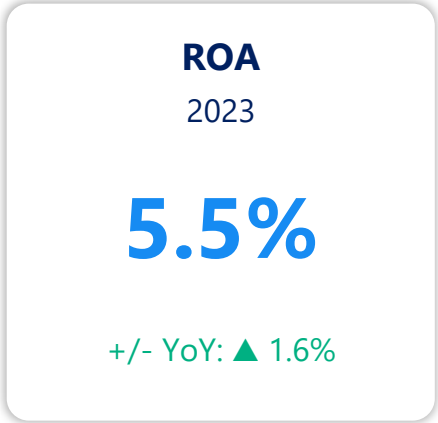
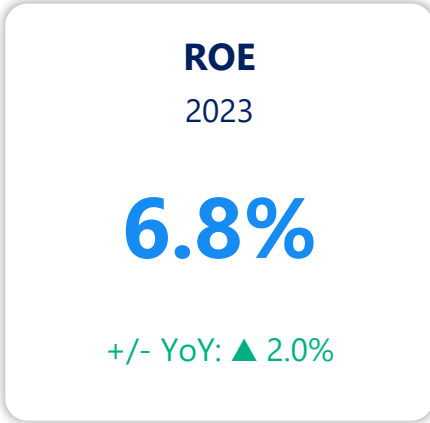
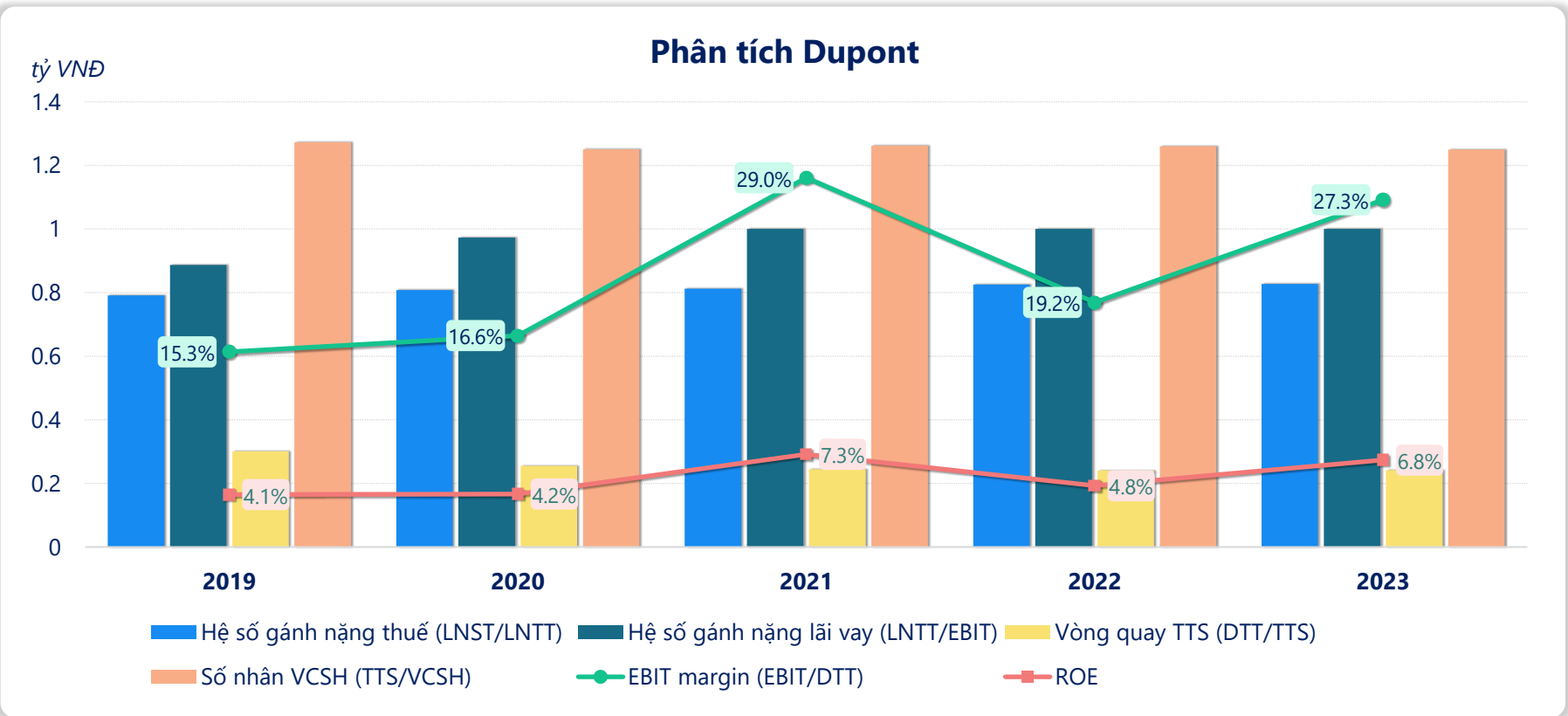
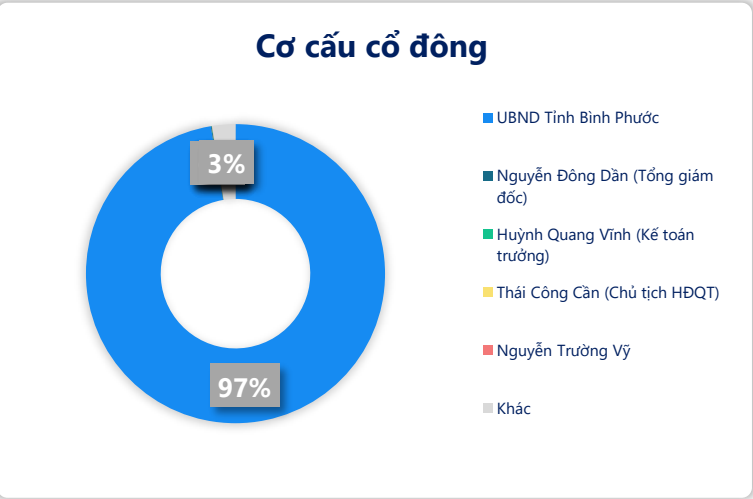


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

Thông tin giao dịch		29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)		6,800
Sàn giao dịch		UPCOM
Khoảng giá 52 tuần		6,100 - 12,620
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		553
Số lượng CPLH (CP)		81,396,192
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,215
Sở hữu nước ngoài		0.0%
Beta		(0.50)
EPS		676
P/E		10.1

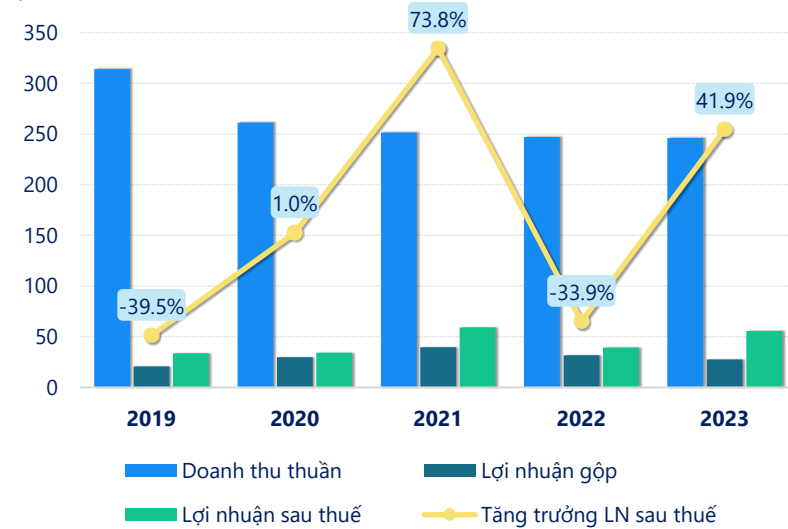
	YTD	1T	3T	6T
SBR	-37.9%	-35.8%	-9.3%	-11.7%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%



CTCP Cao su Sông Bé (UPCOM: SBR)

Kết quả kinh doanh

tỷ VNĐ

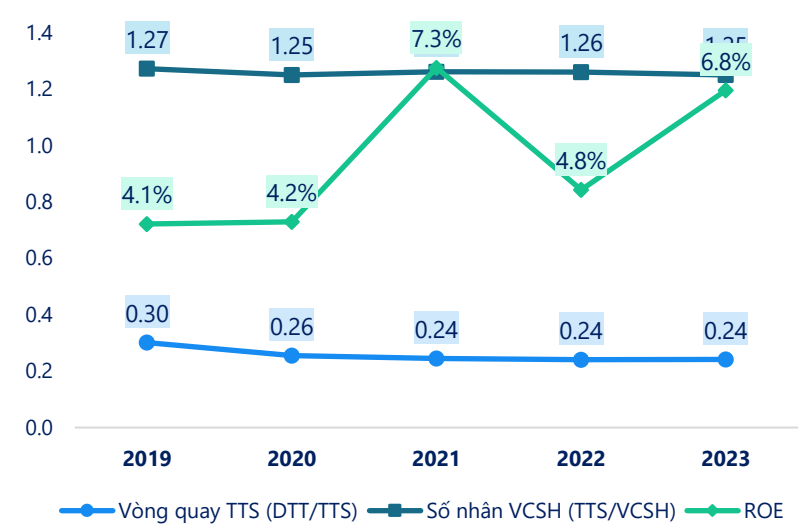


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **tăng lên** đạt **27.3%**, cho thấy sự cải thiện trong hiệu suất hoạt động và khả năng sinh lợi nhuận.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.83**, **tăng** so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Sự duy trì của hệ số gánh nặng lãi vay ở mức **1.00** so với năm trước có thể là tín hiệu về sự ổn định trong quản lý chi phí lãi vay và lợi nhuận, giúp tạo ra một cấu trúc tài chính ổn định và bền vững.

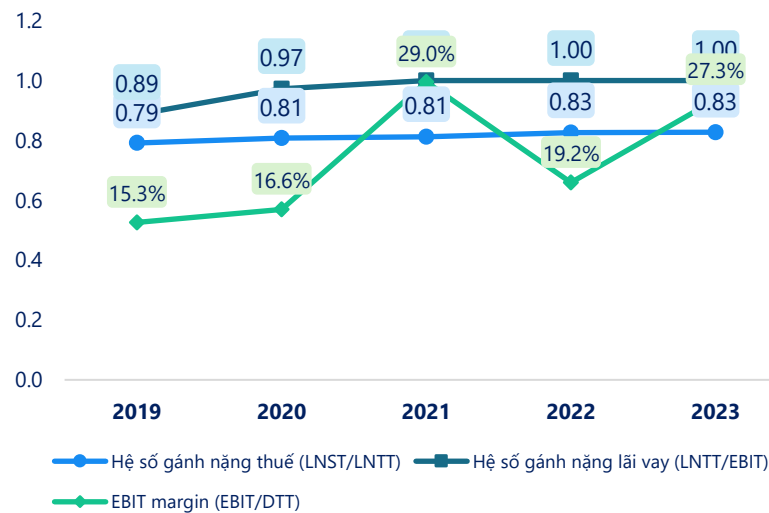
Vòng quay tài sản và ROE



Kết quả kinh doanh **SBR** năm **2023**, doanh thu thuần đạt **246.2** tỷ đồng **giảm 0.29%**, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 41.9%** đạt **55.61** tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế có sự tăng trưởng có thể thấy là kết quả của việc tối ưu hóa hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính hiệu quả. Tuy nhiên cần cải thiện hiệu quả hoạt động để tạo sự tăng trưởng ổn định.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

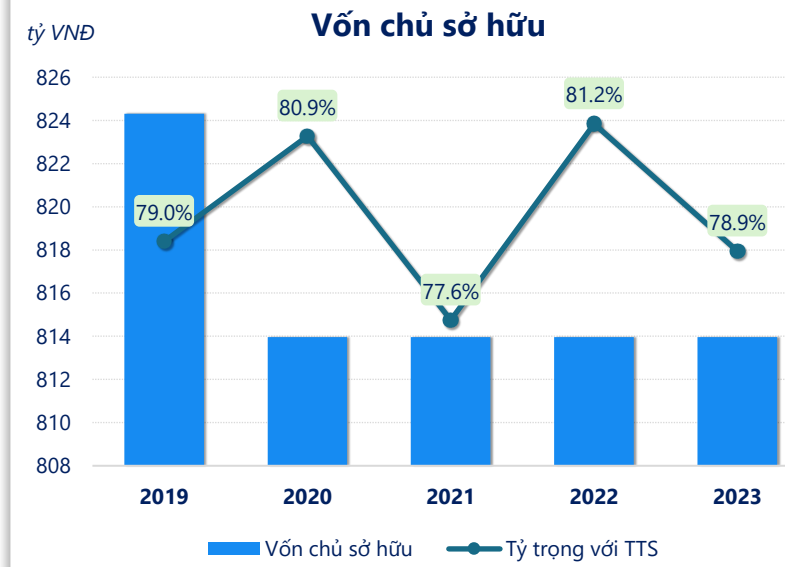
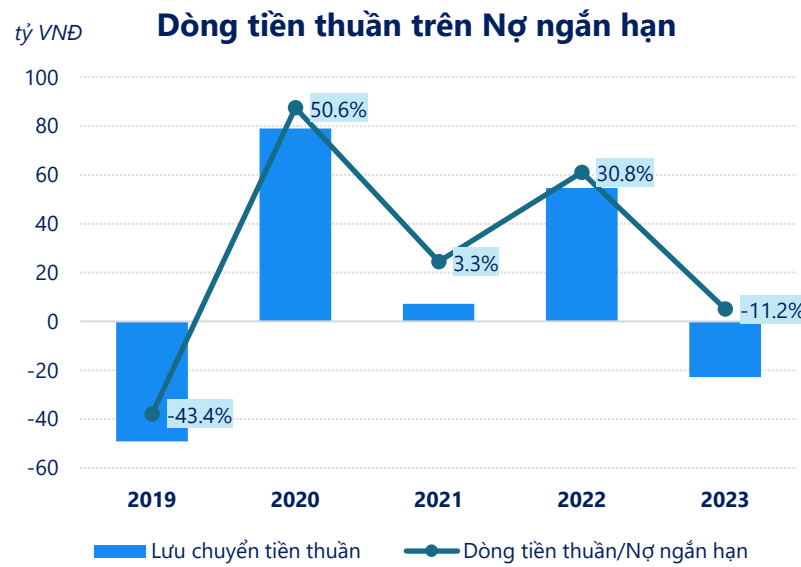
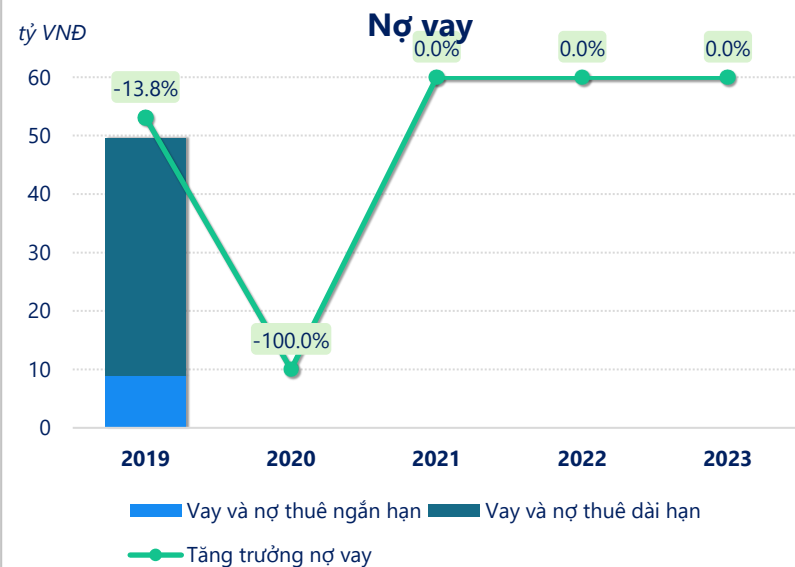
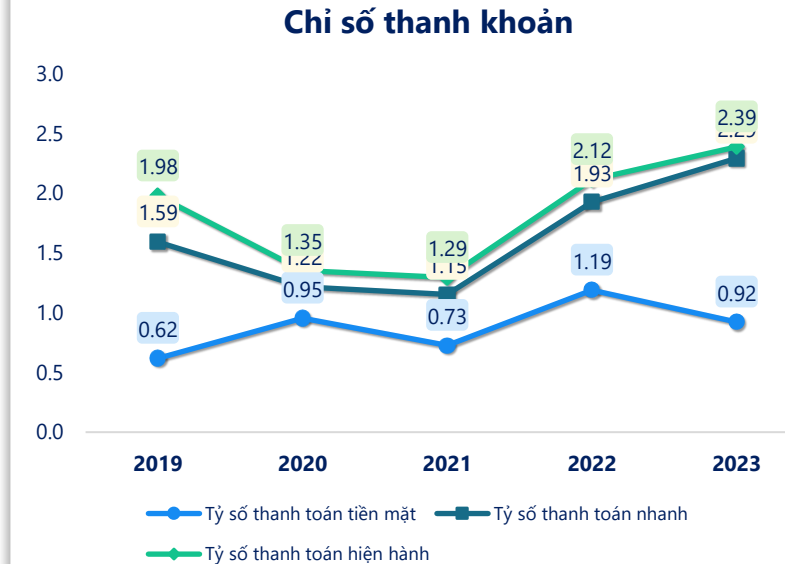
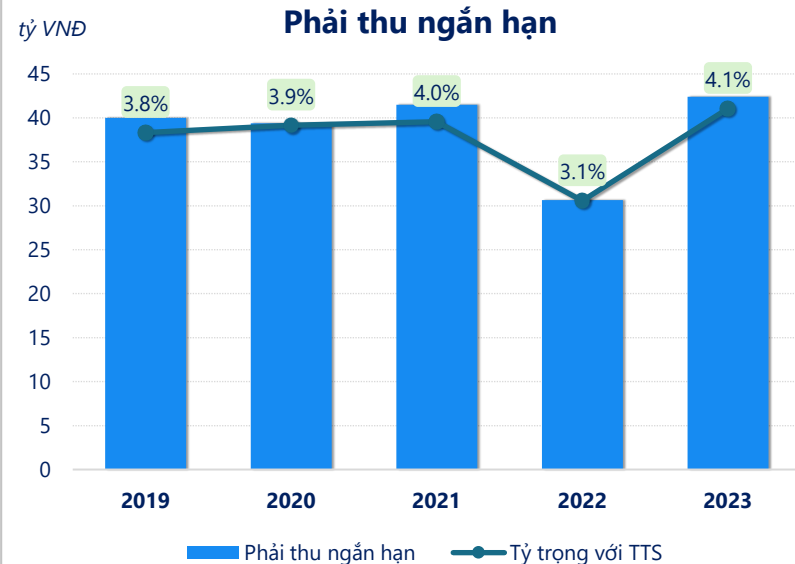


Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **0.24**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **1.25** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Cao su Sông Bé (UPCOM: SBR)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,029	1,003	2.6%
Tài sản ngắn hạn	485	375	29.3%
Tiền và tương đương tiền	188	211	-10.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	237	100	137%
Phải thu ngắn hạn	40.7	30.7	32.9%
Hàng tồn kho	19.5	33.5	-41.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.16	0.05	228%
Tài sản dài hạn	544	628	-13.3%
Phải thu dài hạn	5.00	22.0	-77.3%
Tài sản cố định	312	369	-15.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	53.3	51.1	4.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.0	15.0	13.3%
Tài sản dài hạn khác	157	171	-8.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	215	189	13.9%
Nợ ngắn hạn	204	177	14.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.78	5.21	-8.2%
Nợ dài hạn	11.6	11.6	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	814	814	0.0%
Vốn chủ sở hữu	814	814	0.0%
Vốn điều lệ	814	814	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	314	261	252	247	246
Giá vốn hàng bán	293	232	212	215	219
Lợi nhuận gộp	20.8	29.7	39.7	31.8	27.5
Doanh thu HĐTC	9.24	10.5	14.3	18.3	27.7
Chi phí TC	5.46	1.17	0	5.29	4.34
Chi phí lãi vay	5.46	1.17	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.24	0.17	0.19	0.23	0.24
Chi phí QLDN	17.0	17.9	25.9	54.0	23.5
LN thuần từ HĐKD	7.30	21.0	27.9	-9.31	27.1
Lợi nhuận khác	35.4	21.3	45.1	56.8	40.1
LN trước thuế	42.7	42.3	73.0	47.5	67.2
Lợi nhuận sau thuế	33.8	34.1	59.3	39.2	55.6
LNST của CĐ cty mẹ	33.8	34.1	59.3	39.2	55.6

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.9	84.3	71.2	70.2	53.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-52.1	54.7	-37.5	-4.91	-66.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.93	-60.0	-26.5	-10.6	-10.6
Tiền đầu kỳ	119	70.0	149	156	211
Lưu chuyển tiền thuần	-49.2	79.0	7.18	54.7	-22.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	70.0	149	156	211	188